

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/ 2008

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 02 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24.03.000172 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 20/02/2008.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Ngọc Thao	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Anh Tú	Ủy viên
	Ông Trần Văn Thành	Ủy viên
	Ông Đỗ Văn Bảy	Ủy viên
	Ông Lê Văn Bằng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Trần Văn Thành	Tổng giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 02 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 02 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Thành

Tổng giám đốc

Sơn La, ngày 05 tháng 5 năm 2009

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 02 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Công việc kiểm toán của chúng tôi chỉ giới hạn trong phạm vi số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008, số liệu bàn giao sang Công ty Cổ phần tại ngày 19/02/2008 chưa được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về các số liệu nhận bàn giao sang Công ty Cổ phần tại ngày 19/02/2008 của Công ty và ảnh hưởng của chúng tới số liệu trong Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008.

Chúng tôi không tham gia quan sát kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2008 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này, chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm tra bằng các thủ tục thay thế khác, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục này đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008 của Công ty.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Công ty đang ghi nhận vào chi phí năm 2008 chi phí thuê kho trả cho Công ty TNHH Bình Anh cho thời hạn thuê từ tháng 1/2009 đến tháng 6/2009 với số tiền là 450.163.638 đồng.

Trong năm 2008, Công ty đang ghi nhận toàn bộ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định với số tiền 706.338.794 đồng và chưa xác định cho thời gian hữu dụng sẽ được sử dụng các năm tiếp theo để có các tiêu thức phân bổ chi phí hợp lý.

Theo quyết định về đơn giá tiền lương trên doanh thu, Công ty đang trích vào chi phí lương cao hơn đơn giá tiền lương phê duyệt của Hội đồng Quản trị với số tiền là 719.300.060 đồng.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán và Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý

Khoản vay dài hạn chưa được chuyển chủ nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La sang theo dõi tại Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp - Bộ Tài Chính. Tại thời điểm 31/12/2008, số liệu đối chiếu công nợ tiền gốc vay và lãi vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La tương ứng là 65,592 tỷ đồng và 46,623 tỷ đồng đang được Công ty Mía Đường Sơn La xác nhận.

Trong năm 2008, chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất đường trong thời gian không sản xuất đang được tập hợp vào giá thành sản xuất. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, chi phí khấu hao trong thời gian ngừng sản xuất hạch toán vào chi phí khác và không được coi là chi phí hợp lý cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty đang ghi nhận tăng tài sản cố định nhận bàn giao từ Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần dựa trên tiêu thức giá trị còn lại của toàn bộ tài sản cố định tại thời điểm 19/02/2008 theo số liệu ghi sổ của Công ty Mía Đường Sơn La.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2009

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2008 VND	20/02/2008 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		65.485.372.386	-
I- Tiền	110		1.997.910.962	-
1. Tiền	111	5.1	1.997.910.962	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.025.000.001	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	27.025.000.001	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.845.559.157	-
1. Phải thu khách hàng	131		829.431.272	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.387.680.969	-
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	15.794.591.995	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.166.145.079)	-
IV- Hàng tồn kho	140		20.070.830.576	-
1. Hàng tồn kho	141	5.4	20.070.830.576	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		546.071.690	-
1. Thuê và các khoản khác phải thu NN	154		8.527.390	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	537.544.300	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		67.752.643.956	-
I Tài sản cố định	220		67.752.643.956	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	64.589.644.730	-
- Nguyên giá	222		75.078.247.322	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.488.602.592)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	3.089.620.881	-
- Nguyên giá	228		3.101.257.069	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.636.188)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	73.378.345	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		133.238.016.342	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2008	20/02/2008
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		76.639.458.626	-
I- Nợ ngắn hạn	310		49.353.627.830	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	4.058.445.700	-
2. Phải trả người bán	312		21.549.574.782	-
3. Người mua trả tiền trước	313		412.206.205	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	4.265.197.968	-
5. Phải trả người lao động	315		2.839.348.000	-
6. Chi phí phải trả	316	511	14.443.918.910	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	1.784.936.220	-
II- Nợ dài hạn	330		27.285.830.796	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	27.285.830.796	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		56.598.557.716	-
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	56.555.260.596	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.958.142.528	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		572.889.120	-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		286.444.560	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.737.784.388	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		43.297.120	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		43.297.120	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		133.238.016.342	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2008 VND
1. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	1.990.947.263
2. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	22.022.136.948
3. Nợ khó đòi đã xử lý	10.807.465.217

Sơn La, ngày 05 tháng 5 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Văn Thành

Nguyễn Văn Dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	136.317.461.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	3.333.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		136.314.127.840
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	116.197.678.728
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		20.116.449.112
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	3.897.901.651
7. Chi phí tài chính	22	5.19	2.772.461.809
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	6.093.991.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	7.233.932.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		7.913.964.720
11. Thu nhập khác	31		930.885.058
12. Chi phí khác	32		834.584.220
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		96.300.838
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		8.010.265.558
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	2.281.374.357
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.728.891.201
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.154

Son La, ngày 05 tháng 5 năm 2009

Kế toán trưởng



Trần Văn Thành

Nguyễn Văn Dịch

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 2 năm 2008 ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008	
	MS	TM
	2	3
		VND
		4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	8.010.265.558
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.500.238.780
- Các khoản dự phòng	03	2.166.145.079
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.911.118.907)
- Chi phí lãi vay	06	2.686.391.809
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.451.922.319
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(27.332.354.420)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.086.457.576)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	66.976.143.714
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.686.391.809)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.322.862.228
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.029.515.872)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	41.606.256
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(27.025.000.001)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.869.512.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(32.143.396.966)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.160.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4.058.445.700
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.181.554.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.997.910.962
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.997.910.962

Sơn La, ngày 05 tháng 5 năm 2009

Kế toán trưởng



Trần Văn Thành

Nguyễn Văn Dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 24.03.000172 đăng ký lần đầu ngày 20/02/2008 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Mua Bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	2.934.000	29.340.000.000	58,68 %
Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn	750.000	7.500.000.000	15,00 %
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Cao cấp Hữu Nghị	750.000	7.500.000.000	15,00 %
Cán bộ công nhân viên và cổ đông khác	566.000	5.660.000.000	11,32 %
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	

Địa chỉ đăng ký: Km 34, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

Số lao động bình quân: 278 người

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Công nghiệp đường; Chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường;
- Sản xuất cồn, nha và nước uống có cồn;
- Nước uống không có cồn;
- Chế biến và kinh doanh các sản phẩm nông sản;
- Chế biến và kinh doanh thức ăn gia súc;
- Dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm;
- Chăn nuôi bò sữa;
- Chế biến sữa, bò thịt;
- Chế biến, kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh thương mại; Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê kho, đại lý ký gửi hàng hoá;
- Bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hoá chất khác.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hoạt động là chế biến và kinh doanh các sản phẩm đường và sau đường.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ hoạt động đầu tiên của công ty bắt đầu từ ngày 20 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 3 năm trở lên.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản hữu hình**2008**

Nhà xưởng và vật kiến trúc

Số năm

10 - 30

Máy móc và thiết bị

08 - 13

Thiết bị văn phòng

03 - 12

Phương tiện vận tải

06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2008
	VND
Tiền mặt	1.338.108.483
Tiền gửi ngân hàng	659.802.479
Tổng	1.997.910.962

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2008
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	27.025.000.001
Tổng	27.025.000.001

5.3 Phải thu khác

	31/12/2008
	VND
Bảo hiểm xã hội	126.350.801
Kinh phí công đoàn	292.000
Phải thu tiền đầu tư vùng nguyên liệu	15.254.900.356
Phải thu tiền hàng cửa hàng xăng dầu	233.957.438
Chi phát triển vùng nguyên liệu	110.091.400
Phải thu khác	69.000.000
Tổng	15.794.591.995

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2008
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.901.047.974
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	915.000.000
Thành phẩm	12.072.409.136
Hàng hoá	182.373.466
Tổng	20.070.830.576

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008
	VND
Tạm ứng	537.544.300
Tổng	537.544.300

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 20/02/2008	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	37.725.035.891	36.357.397.474	1.858.322.400	201.629.077	76.142.384.842
Mua trong kỳ		3.057.575.758	1.388.061.818	86.852.429	4.532.490.005
Tăng do XDCB hoàn thành	798.446.151	9.587.305.739	-	-	10.385.751.890
Tăng khác	36.926.589.740	23.712.515.977	470.260.582	114.776.648	61.224.142.947
Giảm trong kỳ	344.290.000	719.847.520	-	-	1.064.137.520
Thanh lý nhượng bán	-	719.847.520	-	-	719.847.520
Giảm khác	344.290.000	-	-	-	344.290.000
Số dư tại 31/12/2008	37.380.745.891	35.637.549.954	1.858.322.400	201.629.077	75.078.247.322
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 20/02/2008	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	3.325.631.258	6.818.890.570	288.662.175	55.418.589	10.488.602.592
Khấu hao trong kỳ	3.325.631.258	6.818.890.570	288.662.175	55.418.589	10.488.602.592
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	3.325.631.258	6.818.890.570	288.662.175	55.418.589	10.488.602.592
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 20/02/2008	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2008	34.055.114.633	28.818.659.384	1.569.660.225	146.210.488	64.589.644.730

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Số dư tại 20/02/2008	-	-	-
Tăng trong kỳ	3.063.175.000	16.640.000	3.101.257.069
Mua trong kỳ		16.640.000	16.640.000
Tăng khác	3.063.175.000	21.442.069	3.084.617.069
Giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm khác			
Số dư tại 31/12/2008	3.063.175.000	16.640.000	3.101.257.069
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 20/02/2008	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	11.636.188	11.636.188
Khấu hao trong kỳ	-	11.636.188	11.636.188
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2008	-	11.636.188	11.636.188
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 20/02/2008	-	-	-
Tại 31/12/2008	3.063.175.000	5.003.812	3.089.620.881

5.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Kỳ hoạt động
từ ngày 20/02/2008
đến ngày 31/12/2008
VND

Tại ngày 20 tháng 2	-
Tăng	2.909.130.235
Kết chuyển tài sản cố định	2.835.751.890
Tại ngày 31 tháng 12	73.378.345

Chi tiết theo khoản mục

	31/12/2008
	VND
Tiền thiết kế nhà giới thiệu sản phẩm	73.378.345
Tổng	73.378.345

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

31/12/2008

VND

Ngân hàng Công thương VN - Chi nhánh Sơn La	4.058.445.700
Tổng	4.058.445.700

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2008
	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.955.881.611
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.172.184.032
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.190.325
Thuế thu nhập cá nhân	27.942.000
Tổng	4.265.197.968

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2008
	VND
Chi phí lãi vay ước tính Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp.	2.684.504.900
Chi phí phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	10.924.068.443
Chi phí quỹ hỗ trợ mất việc làm	73.099.952
Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng Công thương Sơn La	1.886.909
Chi phí phải trả khác	760.358.706
Tổng	14.443.918.910

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008
	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	695.000.000
Tiền cổ tức tạm tính phải trả	1.023.040.000
Khác	66.896.220
Tổng	1.784.936.220

5.13 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2008
	VND
Vay dài hạn	27.285.830.796
Tổng	27.285.830.796

Vay dài hạn là khoản Công ty Mía Đường Sơn La phải trả theo quyết định số 25/QĐ-HDQT-MBN của Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

a - Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 20/02/2008	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	50.000.000.000	7.500.000.000	572.889.120	286.444.560	572.889.120	5.970.007.188	64.902.229.988
Tăng vốn	50.000.000.000	7.500.000.000	-	-	-	-	57.500.000.000
Lãi	-	-	-	-	-	5.728.891.201	5.728.891.201
Tăng quỹ/khác	-	-	572.889.120	286.444.560	572.889.120	241.115.987	1.673.338.787
Giảm trong kỳ	-	3.541.857.472	-	-	529.592.000	4.232.222.800	8.303.672.272
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	1.432.222.800	1.432.222.800
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
Chi quỹ/khác	-	3.541.857.472	-	-	529.592.000	-	4.071.449.472
Số dư tại 31/12/2008	50.000.000.000	3.958.142.528	572.889.120	286.444.560	43.297.120	1.737.784.388	56.598.557.716

Trong năm 2008, Công ty tạm thực hiện phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế và tạm chia cổ tức với tỷ lệ 5,6% trên tổng vốn điều lệ. Số liệu phân phối quỹ và tỷ lệ chia cổ tức sẽ được xác định đầy đủ theo quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SON LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2008 VND
Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	29.340.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị	7.500.000.000
Cán bộ công nhân viên và cổ đông khác	5.660.000.000
Tổng	50.000.000.000

c. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):</i>	10.000

5.15 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 VND
Doanh thu bán đường	115.798.541.782
Doanh thu bán phân bón, thuốc sâu	9.796.504.761
Doanh thu cung cấp dịch vụ	57.287.034
Doanh thu trợ giá, trợ cấp	94.416.800
Doanh thu mật rỉ	9.756.903.141
Doanh thu xăng dầu	813.807.655
Tổng	136.317.461.173

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 VND
Giảm giá hàng bán	3.333.333
Tổng	3.333.333

5.17 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 VND
Giá vốn hàng bán sản phẩm đường	106.397.218.958
Giá vốn hàng bán phân bón, thuốc sâu	9.035.838.098
Giá vốn hàng bán xăng dầu	764.621.672
Tổng	116.197.678.728

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 VND
Lãi trả chậm tiền hàng	28.389.000
Lãi cho vay đầu tư vùng nguyên liệu	1.329.817.553
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.539.695.098
Tổng	3.897.901.651

5.19 Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008 VND
Lãi tiền vay	2.686.391.809
Lãi tiền đặt cọc đại lý đường	86.070.000
Tổng	2.772.461.809

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí bán hàng

Kỳ hoạt động
từ ngày 20/02/2008
đến ngày 31/12/2008
VND

Chi phí nhân viên	283.844.600
Chi phí vật liệu, bao bì	473.576.133
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.325.451.551
Chi phí khác bằng tiền	9.119.454
Tổng	6.093.991.738

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Kỳ hoạt động
từ ngày 20/02/2008
đến ngày 31/12/2008
VND

Chi phí nhân viên quản lý	2.876.546.000
Chi phí vật liệu quản lý	126.549.698
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.636.692
Chi phí khấu hao	679.250.459
Thuế, phí, lệ phí	90.443.058
Chi phí dự phòng	2.166.145.079
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.578.161
Chi phí khác bằng tiền	727.783.349
Tổng	7.233.932.496

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Kỳ hoạt động
từ ngày 20/02/2008
đến ngày 31/12/2008
VND

Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.010.265.558
<i>Điều chỉnh tăng: Lương HĐQT và Ban Kiểm soát</i>	<i>137.500.000</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>
Thuế suất áp dụng	28%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.281.374.357
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	-
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.281.374.357

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Lãi trên cổ phiếu

Kỳ hoạt động
từ ngày 20/02/2008
đến ngày 31/12/2008
Cổ phiếu

Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.728.891.201
Điều chỉnh tăng	-
Điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.728.891.201
Các khoản điều chỉnh	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do</i> <i>thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những</i> <i>tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi</i> <i>đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.728.891.201
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.964.919
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.154



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG SƠN LA

Bảo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 20/02/2008 đến ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6.2 Số dư với các bên liên quan**31/12/2008****VND****Các khoản phải thu**

Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn

1.253.063.000

Các khoản khác

Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp.

27.285.830.796

- Phải trả theo kết quả xử lý tài chính tại thời điểm
chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

27.285.830.796

6.3 Số liệu so sánh

Do Công ty Cổ phần Mía Đường Sơn La được thành lập ngày 20/02/2008 nên trên Báo cáo tài chính không thể hiện số liệu so sánh tại ngày này.

Tổng giám đốc

Sơn La, ngày 05 tháng 5 năm 2009

Kế toán trưởng**Trần Văn Thành****Nguyễn Văn Dịch**